

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..⁰⁷/2021/QĐ-HĐQT ngày ..¹⁶/⁰³/2021 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - 1.1. Luật Doanh nghiệp: được hiểu là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - 1.2. Luật Chứng khoán: được hiểu là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - 1.3. Công ty/Tập đoàn: được hiểu là Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC;
 - 1.4. Công ty thành viên: Bao gồm Công ty con, Công ty liên kết và Công ty khác của Tập đoàn;
 - 1.5. Công ty con: được hiểu là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập và có một trong các quan hệ sau đây với Tập đoàn:
 - a) Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó;
 - b) Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác tương đương của doanh nghiệp đó;
 - c) Tập đoàn có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.
 - 1.6. Công ty liên kết: được hiểu là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập và Tập đoàn sở hữu từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó.
 - 1.7. Công ty khác: được hiểu là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập và Tập đoàn sở hữu dưới 20% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó hoặc Tập đoàn gián tiếp chi phối.

- 1.8. **Điều lệ:** được hiểu là điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung của điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được áp dụng trong từng thời kỳ;
- 1.9. **ĐHĐCĐ:** được hiểu là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- 1.10. **BKS:** được hiểu là Ban Kiểm soát của Công ty;
- 1.11. **HĐQT:** được hiểu là Hội đồng quản trị của Công ty;
- 1.12. **BTGD:** được hiểu là Ban Tổng Giám đốc của Công ty;
- 1.13. **Công bố thông tin định kỳ:** được hiểu là các trường hợp Công ty công bố các Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình quản trị công ty, Báo cáo thường niên và một số báo cáo định kỳ khác của Công ty trong thời hạn theo quy định pháp luật;
- 1.14. **Công bố thông tin bất thường:** được hiểu là các trường hợp Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ thời điểm xảy ra một trong các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật;
- 1.15. **Công bố thông tin theo yêu cầu:** được hiểu là các trường hợp Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch;
- 1.16. **Cổ đông lớn:** được hiểu là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- 1.17. **Người nội bộ của Công ty:** được hiểu là:
- a) Thành viên HĐQT, Thành viên BKS;
 - b) Thành viên BTGD hoặc các chức danh quản lý khác tương đương do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - c) Kế toán trưởng;
 - d) Người đại diện theo pháp luật, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- 1.18. **Người có liên quan:** được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
- a) Người nội bộ của Công ty;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

- d) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Công ty trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- e) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
- f) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- g) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- h) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những cá nhân, tổ chức quy định tại điểm (b) và điểm (c) Điều này;
- i) Doanh nghiệp trong đó những cá nhân, tổ chức quy định tại các điểm (a) đến điểm (f) Điều này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

1.19. UBCKNN: được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

1.20. SGDCK: được hiểu là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

1.21. SGDCK HCM: được hiểu là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

1.22. SGDCK HN: được hiểu là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

1.23. TTLKCK: được hiểu là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

1.24. Các quỹ ETF: là các quỹ hoán đổi danh mục (quỹ mở hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ);

1.25. Đơn vị: được hiểu là các Phòng/Ban/Đơn vị/Chi nhánh/Văn phòng đại diện thuộc Công ty;

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

- 2.1.** Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD, Kế toán trưởng, các Đơn vị và cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty.
- 2.2.** Các Công ty thành viên căn cứ vào Quy chế phối hợp hành chính giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC và Công ty thành viên để áp dụng cho phù hợp, đồng thời tự chịu trách nhiệm về việc áp dụng đó.

Điều 3. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin của Công ty bao gồm:

1.1. Trang thông tin điện tử (“Website”) của Công ty:

Công ty chỉ sử dụng duy nhất một Website chính thức tại địa chỉ: <https://www.flc.vn>.

Website có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có), các Báo cáo tài chính và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK HCM. Website có hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo cổ đông, nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên Website;

Công ty phải công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

1.2. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN:

Công ty đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (Hệ thống IDS Plus) và thực hiện gửi báo cáo theo hình thức điện tử qua Hệ thống IDS Plus tại địa chỉ <http://ids.ssc.gov.vn>.

Công ty sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống IDS Plus do UBCKNN cấp và chữ ký số công cộng có giá trị pháp lý tương đương con dấu của Công ty để thực hiện báo cáo và công bố thông tin điện tử trên Hệ thống IDS Plus.

1.3. Trang thông tin điện tử của SGDCK HCM, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK HCM:

Công ty gửi thông tin qua fax/email/hệ thống thông tin điện tử của SGDCK HCM, đồng thời gửi văn bản công bố thông tin hợp lệ đến SGDCK HCM.

Công ty thực hiện công bố thông tin đến SGDCK HCM qua cổng công bố thông tin điện tử của SGDCK HCM bằng tài khoản truy cập do SGDCK HCM cấp.

Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử (ECM) của SGDCK HCM theo quy định: Công ty sử dụng tài khoản truy cập Hệ thống ECM của SGDCK HCM cấp và chữ ký số công cộng có giá trị pháp lý tương đương con dấu của Công ty để thực hiện báo cáo và công bố thông tin điện tử trên Hệ thống ECM tại địa chỉ <https://ecm.hsx.vn/hoseecm/login>.

- 1.4. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của SGDCK HN, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK HN:

Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (không bao gồm việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng) đến SGDCK qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của SGDCK HN bằng tài khoản truy cập do SGDCK HN cấp tại địa chỉ <https://cbonds.hnx.vn>.

2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại Điểm 1.1, Khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
3. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - 1.1. Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - 1.2. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;
 - 1.3. Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
 - 1.4. Cá nhân, tổ chức khi thực hiện công bố thông tin có liên quan tới Công ty phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm về việc công bố thông tin đó. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công

bổ thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

2. Khi Công ty công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK HCM về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK HCM 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK HCM thực hiện công khai thông tin.
3. Công ty thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - 3.1. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - 3.2. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.
4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 5. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh...). Công ty gửi báo cáo tới UBCKNN, SGDCK HCM về việc tạm hoãn công bố thông tin sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II. QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 6. Công bố thông tin định kỳ:

1. Báo cáo tài chính:
 - 1.1. Báo cáo tài chính năm:

Công ty phải lập và công bố thông tin các báo cáo tài chính năm (báo cáo tài chính riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2. Báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải lập và công bố thông tin các báo cáo tài chính bán niên (riêng và hợp nhất) đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

1.3. Báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý (riêng và hợp nhất) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

1.4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1.1, 1.2 và 1.3 Điều 6 Quy chế này, Công ty phải đồng thời giải trình số liệu của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất về nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

2. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu BM-CBTT-01 kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo thường niên trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Định kỳ 06 tháng và năm theo năm dương lịch, Công ty phải lập báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu BM-CBTT-02 kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo tình hình quản trị Công ty kỳ 06 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 30/07 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Đồng thời, Công ty gửi Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty (văn bản hợp lệ và bản dữ liệu điện tử) theo mẫu BM-CBTT-03 kèm theo Quy chế này tương ứng với mỗi kỳ báo cáo đến SGDCK HCM.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

4.1 Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty phải công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.

4.2 Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.3 Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phải được công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Công bố thông tin cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ của Công ty:

Công ty lập Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Công ty dưới dạng văn bản hợp lệ theo mẫu BM-CBTT-04 kèm theo Quy chế này và bản dữ liệu điện tử căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước kỳ báo cáo và gửi đến SGDCK HCM trong thời hạn cụ thể như sau:

5.1. Báo cáo 06 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05 và gửi cho SGDCK HCM chậm nhất là ngày 10/06.

5.2. Báo cáo 06 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK HCM chậm nhất là ngày 10/12.

6. Công bố thông tin định kỳ khác:

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- 1.1. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- 1.2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- 1.3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
- 1.4. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- 1.5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- 1.6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- 1.7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- 1.8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở

hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

1.9. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

1.10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

1.11. Khi Công ty có quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ hoặc khi Công ty nhận được nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ; Đồng thời, công ty gửi cho UNCKNN, SGDCK HCM Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu BM-CBTT-05 kèm theo Quy chế này và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu BM-CBTT-06 kèm theo Quy chế này;

Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK HCM về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu BM-CBTT-07 kèm theo Quy chế này trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

1.12. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

1.13. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.

- 1.14. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty; Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- 1.15. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- 1.16. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
- 1.17. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- 1.18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- 1.19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- 1.20. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài);
- 1.21. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Công ty phải công bố các thông tin bất thường khác trong thời hạn quy định cụ thể như sau:
 - 2.1. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
 - a. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy chế này;
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu, 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
 - 2.2. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
 - a. Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK,

UBCKNN và SGDCK HCM tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trừ trường hợp quy định tại khoản b,

- b. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
- c. Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK HCM, Công ty công bố thông tin và gửi thông báo cho SGDCK HCM nêu rõ lý do hủy chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.
- d. Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty gửi cho SGDCK HCM các tài liệu sau: Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng theo mẫu BM-CBTT-08 kèm theo Quy chế này để thực hiện quyền; Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

2.3. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

3. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

4. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK HCM và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

5. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 8. Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

Trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng, Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.
2. Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:
 - 2.1. Công ty phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên;
 - 2.2. Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo mẫu BM-CBTT-09 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

4. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

Điều 9. Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước

1. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

- 1.1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, Công ty thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin theo mẫu BM-CBTT-10 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

1.2. Đối với Công ty chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

- a. Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1.1 Điều này.
- b. Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, Công ty thực hiện công bố thông tin bổ sung theo mẫu BM-CBTT-10 kèm theo Quy chế này cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi SGDCK HN.

2. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, Công ty thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo mẫu BM-CBTT-11 kèm theo Quy chế này cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

3. Công bố thông tin định kỳ

Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, Công ty gửi nội dung công bố thông tin định kỳ theo mẫu BM-CBTT-12 kèm theo Quy chế này cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp:

- 3.1 Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.
- 3.2 Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.
4. Công bố thông tin bất thường

Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, Công ty phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp:

- 4.1. Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;
- 4.2. Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.
5. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu
- 5.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền theo mẫu BM-CBTT-13 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.
- 5.2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, Công ty phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo mẫu BM-CBTT-13 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo mẫu BM-CBTT-13 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 10. Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế

1. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, Công ty thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo mẫu BM-CBTT-10 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

2. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu, Công ty thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo mẫu BM-CBTT-11 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

3. Công bố thông tin định kỳ

Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, Công ty gửi nội dung công bố thông tin định kỳ theo mẫu BM-CBTT-12 kèm theo Quy chế này cho SGDCK HN qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp:

- 3.1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.
- 3.2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

- 1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK HCM:
 - 1.1. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - 1.2. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK HCM yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

- 1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN, SGDCK HCM theo mẫu BM-CBTT-14 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- 2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo Công ty, UBCKNN, SGDCK HCM trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu BM-CBTT-15 kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu BM-CBTT-16 và BM-CBTT-17 kèm theo Quy chế này trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDK HCM, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - 1.1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu BM-CBTT-18 hoặc BM-CBTT-19 kèm theo Quy chế này.
 - 1.2. Thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian,

khối lượng, giá trị do SGDCK HCM đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK HCM;

- 1.3. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm 1.2 khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
- 1.4. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;
- 1.5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo Công ty, UBCKNN, SGDCK HCM (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu BM-CBTT-20 hoặc BM-CBTT-21 kèm theo Quy chế này.
- 1.6. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.
3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối

tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 14. Công bố thông tin về nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan

1. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC và Thông tư 51/2021/TT-BTC hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.
2. Đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan, nghĩa vụ công bố thông tin của nhóm này căn cứ trên tổng tỷ lệ sở hữu của cả nhóm mà không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của từng thành viên trong nhóm.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III. QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin

Đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin có nghĩa vụ trong việc công bố thông tin như sau:

1. Đảm bảo hình thức và nội dung công bố thông tin của Công ty cũng như tính minh bạch của những thông tin này.
2. Chịu trách nhiệm về các báo cáo được công bố cho tất cả các cổ đông và những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

3. Không được công bố thông tin cho một số nhà đầu tư riêng biệt hoặc những bên có lợi ích khác trước khi công bố rộng rãi ra công chúng.
4. Theo dõi để các thông tin công bố ra công chúng được lập và trình bày theo những chuẩn mực tốt nhất.
5. Đảm bảo tính kịp thời của việc công bố thông tin, đồng thời đảm bảo tính hữu ích, đơn giản và thuận lợi khi tiếp cận của các thông tin được công bố.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Người thực hiện/được ủy quyền công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin, cụ thể:

1. Tổng Giám đốc là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
2. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng Giám đốc thường trực thay thế thực hiện công bố thông tin;
3. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDCK HCM tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo trên theo mẫu BM-CBTT-22 kèm theo Quy chế này, Bản cung cấp thông tin trên theo mẫu BM-CBTT-05 kèm theo Quy chế này.

Điều 19. Đơn vị phụ trách công bố thông tin

1. Tùy từng thời điểm và thông tin công bố, Tổng Giám đốc trực tiếp hoặc theo đề xuất của người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin để chỉ định Đơn vị phụ trách công bố thông tin.
2. Đơn vị phụ trách công bố thông tin có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin, chuyển cho Người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định và trình Tổng Giám đốc thông qua.
3. Trách nhiệm của Đơn vị phụ trách công bố thông tin:

- 3.1 Thực hiện thủ tục công bố thông tin chính xác, kịp thời theo Quy chế này và quy định của pháp luật hiện hành;
- 3.2 Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao;
- 3.3 Lưu trữ các thông tin công bố theo đúng quy định của Công ty.

Điều 20. Quy trình thực hiện công bố thông tin

Việc thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo Quy trình công bố thông tin được Công ty ban hành và có hiệu lực tùy từng thời điểm.

Điều 21. Đính chính thông tin

Công ty có quyền đính chính thông tin đã công bố theo đúng quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành đồng thời tự chịu trách nhiệm về các thông tin được đính chính đó.

Điều 22. Xử lý vi phạm trong thực hiện công bố thông tin

Các Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc, các Đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.
2. Các Lãnh đạo Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong Đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.
4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH TT



Hương Trần Kiều Dung